

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8- 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thiết Lập;

Ông Phan Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ Z, ấp X, xã Ph, huyện C, tỉnh N. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ Y, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ Z, ấp X, xã Ph, huyện C, tỉnh N. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, nguyên đơn là anh Trần Minh H trình bày: Anh H và chị Trần Thị Mỹ Y chung sống vợ chồng từ năm 2014, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện C, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất hòa trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh H và chị Y chung sống có 01 con chung tên Trần Minh Triệu, sinh ngày 20/8/2014. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Mỹ Y trình bày tại bản tự khai ngày 20/6/2022:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2014. Đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung như anh H trình bày. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung là cháu Trần Minh Triệu cho anh H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh H và chị Trần Thị Mỹ Y.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh Tr, sinh ngày 20/8/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh H, chị Y không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Minh H là nguyên đơn, chị Trần Thị Mỹ Y là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị Y.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Minh H và chị Trần Thị Mỹ Y chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Ph, huyện C, tỉnh N vào năm 2016, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh H và chị Y thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã nhau, bất hòa trong cuộc sống, sinh hoạt nên anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Kết quả xác minh địa phương nơi anh H, chị Y sống chung thể hiện: Giữa anh H, chị Y chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hiện tại, anh chị ly thân cũng đã lâu. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị Y.

[4] Về nuôi con chung: Anh Trần Minh H và chị Trần Thị Mỹ Y có 01 con chung tên **Trần Minh Tr**, sinh ngày 20/8/2014. Anh H, chị Y thống nhất giao con chung là cháu Tr cho anh H nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Tr là được sống cùng cha khi cha mẹ ly hôn. Việc thống nhất nuôi con chung của anh H, chị Y là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh H và chị Trần Thị Mỹ Y.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Mỹ Y và anh Trần Minh H thống nhất giao con chung tên Trần Minh Tr, sinh ngày 20/8/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Trần Minh H, chị Trần Thị Mỹ Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà anh H đã nộp theo biên lai thu số 0007349 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Thanh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My